

**TÒA ÁN NHÂN DÂN
HUYỆN TRẮNG BOM
TỈNH ĐỒNG NAI**

**CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
Độc lập - Tự do - Hạnh phúc**

Bản án số: 102/2021/HNGĐ-ST

Ngày: 10-12-2021.

V/v: “*Tranh chấp ly hôn;
nuôi con chung*”

**NHÂN DANH
NƯỚC CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
TÒA ÁN NHÂN DÂN HUYỆN TRẮNG BOM, TỈNH ĐỒNG NAI**

- Thành phần Hội đồng xét xử sơ thẩm gồm có:

Thẩm phán - Chủ tọa phiên tòa: Ông Nguyễn Thành Tâm.

Các Hội thẩm nhân dân: 1. Ông Đặng Quang Hoạch

2. Ông Lương Thanh Bình.

- Thư ký phiên tòa: Bà Phan Thị Hồng Phúc - Thư ký Tòa án nhân dân huyện Trảng Bom.

- Đại diện Viện kiểm sát nhân dân huyện Trảng Bom, tỉnh Đồng Nai tham gia phiên tòa: Ông Phạm Hữu Tình - Kiểm sát viên.

Ngày 09 tháng 12 năm 2021, tại trụ sở Tòa án nhân dân huyện Trảng Bom, tỉnh Đồng Nai xét xử sơ thẩm công khai vụ án thụ lý số: 528/2021/TLST-HNGĐ ngày 27 tháng 10 năm 2021 về việc: “*Tranh chấp ly hôn, nuôi con chung*”, theo Quyết định đưa vụ án ra xét xử số: 528/2021/QĐXXST-HNGĐ ngày 22 tháng 11 năm 2021, giữa các đương sự:

- Nguyên đơn: Bà Nguyễn Thị P, sinh năm 1987.

- Bị đơn: Ông Trần Văn T, sinh năm 1979.

Cùng trú tại: Km 6,5, đường A, ấp S, xã B, huyện T, tỉnh Đồng Nai.

(Các đương sự có mặt).

NỘI DUNG VỤ ÁN:

*** Quá trình tố tụng tại Tòa án, nguyên đơn bà Nguyễn Thị P trình bày:**

Bà và ông Trần Văn T tự nguyện kết hôn và đã được Ủy ban nhân dân xã B, huyện T, tỉnh Đồng Nai cấp giấy chứng nhận kết hôn ngày 30/01/2007. Vợ chồng chung sống bình thường đến cuối năm 2019 thì phát sinh mâu thuẫn và ngày càng trầm trọng. Nguyên nhân mâu thuẫn là do vợ chồng không hợp tính tình nên thường xuyên xảy ra cãi vã. Mặt khác do bà và ông T có nhiều mâu thuẫn về vấn đề kinh tế trong gia đình, vợ chồng không còn tin tưởng lẫn nhau. Tuy còn sống chung nhà với nhau nhưng từ tháng 05/2021 đến nay, bà và ông T

không còn quan tâm, chăm sóc nhau, việc ai người đó làm. Nay tình cảm của bà đối với ông T không còn nữa nên bà cương quyết yêu cầu Tòa án giải quyết cho bà được ly hôn với ông Trần Văn T.

Về con chung: Bà và ông T có 04 con chung là cháu Trần Ngọc Anh T1, sinh ngày 30/12/2007; Trần Ngọc Tấn S, sinh ngày 01/9/2010; Trần Thái H, sinh ngày 01/01/2012 và Trần Gia Tuệ N, sinh ngày 01/6/2016. Khi ly hôn, bà yêu cầu được trực tiếp nuôi dưỡng, chăm sóc, giáo dục 02 con chung là cháu Trần Ngọc Anh T1 và cháu Trần Gia Tuệ N; đồng ý để ông T trực tiếp nuôi dưỡng 02 con chung là cháu Trần Ngọc Tấn S và cháu Trần Thái H. Tạm thời không ai phải cấp dưỡng nuôi con chung.

Về tài sản chung: Bà P không yêu cầu Tòa án giải quyết.

Nợ chung: Không có.

*** Quá trình tố tụng tại Tòa án, bị đơn ông Trần Văn T trình bày:**

Ông và bà Nguyễn Thị P tự nguyện kết hôn và đã được Ủy ban nhân dân xã B, huyện T, tỉnh Đồng Nai cấp giấy chứng nhận kết hôn ngày 30/01/2007. Ông thừa nhận, trong quá trình sống chung vợ chồng có nhiều mâu thuẫn do bất đồng về quan điểm sống, tính tình không hợp nhau. Đỉnh điểm của mâu thuẫn bắt đầu từ năm 2019 đến nay vẫn chưa giải quyết được. Mâu thuẫn phát sinh từ việc chi tiêu trong gia đình, kinh tế, thu nhập của mỗi người không làm cho vợ chồng tin tưởng nhau nên thường xuyên xảy ra cãi vã. Từ tháng 05/2021 đến nay, mặc dù sống chung nhà với nhau nhưng bà P không còn quan tâm, chăm sóc hay nói chuyện với ông, không làm tròn nghĩa vụ, trách nhiệm của một người vợ nhưng ngược lại ông vẫn quan tâm, chăm sóc vợ con đầy đủ nhưng không nhận được sự đáp trả của bà P. Nay tình cảm của ông đối với bà P vẫn còn, ông mong muốn vợ chồng đoàn tụ với nhau để cùng nhau nuôi dạy các con nên người nên bà P yêu cầu ly hôn thì ông không đồng ý ly hôn. Từ trước đến nay ông vẫn chủ động hòa giải với bà P nhưng bà P từ chối tình cảm của ông. Đến nay ông không có biện pháp gì khác để hàn gắn tình cảm vợ chồng, giải quyết mâu thuẫn của vợ chồng, chỉ mong Tòa án hòa giải cho vợ chồng được về đoàn tụ với nhau.

Về con chung: Ông và bà P có 04 con chung là cháu Trần Ngọc Anh T1, sinh ngày 30/12/2007; Trần Ngọc Tấn S, sinh ngày 01/9/2010; Trần Thái H, sinh ngày 01/01/2012 và Trần Gia Tuệ N, sinh ngày 01/6/2016. Trường hợp phải giải quyết ly hôn thì ông yêu cầu được nuôi cháu Trần Thái H và cháu Trần Ngọc Tấn S; ông đồng ý để bà P nuôi dưỡng cháu Trần Ngọc Anh T1 và cháu Trần Gia Tuệ N; tạm thời không ai phải đóng góp cho nhau tiền cấp dưỡng nuôi con chung.

Về tài sản chung: Ông T không yêu cầu Tòa án giải quyết.

Nợ chung: Không có.

* Đại diện Viện kiểm sát nhân dân huyện Trảng Bom phát biểu về việc tuân theo pháp luật tố tụng trong quá trình giải quyết vụ án của Thẩm phán và Hội đồng xét xử, Thư ký Tòa án; Việc chấp hành pháp luật của người tham gia

tổ tụng kể từ khi thụ lý vụ án được tiến hành theo quy định pháp luật. Đối với việc giải quyết vụ án, đề nghị Hội đồng xét xử:

- Về quan hệ hôn nhân: Chấp nhận yêu cầu xin ly hôn của bà Nguyễn Thị P. Cho bà P được ly hôn với ông Trần Văn T.

- Về con chung: Giao cháu Trần Ngọc Anh T1, sinh ngày 30/12/2007 và cháu Trần Gia Tuệ N, sinh ngày 01/6/2016 cho bà P trực tiếp nuôi dưỡng, chăm sóc, giáo dục. Giao cháu Trần Ngọc Tấn S, sinh ngày 01/9/2010 và cháu Trần Thái H, sinh ngày 01/01/2012 cho ông T trực tiếp nuôi dưỡng, chăm sóc, giáo dục. Tạm thời không ai phải có nghĩa vụ cấp dưỡng nuôi con.

- Về tài sản chung: Các đương sự không yêu cầu Tòa án giải quyết.

- Về nợ chung: Các đương sự khai không có.

- Về án phí: Áp dụng Nghị quyết 326/2016 buộc bà P phải nộp án phí dân sự sơ thẩm theo quy định của pháp luật.

NHẬN ĐỊNH CỦA TÒA ÁN:

Sau khi nghiên cứu các tài liệu có trong hồ sơ vụ án được thẩm tra tại phiên tòa và căn cứ vào kết quả tranh luận tại phiên tòa, Hội đồng xét xử nhận định:

[1]. Về tố tụng:

Căn cứ vào các tài liệu, chứng cứ trong vụ án, yêu cầu khởi kiện và quy định pháp luật, “Tranh chấp ly hôn; nuôi con chung” thuộc trường hợp quy định tại Điều 28; Điều 35 Bộ luật Tố tụng dân sự nên Tòa án nhân dân huyện Trảng Bom thực hiện thủ tục thụ lý, giải quyết là đúng thẩm quyền.

[2]. Về quan hệ hôn nhân: Bà Nguyễn Thị P và ông Trần Văn T tự nguyện đăng ký kết hôn với nhau vào năm 2007 và đã được Ủy ban nhân dân xã B, huyện T, tỉnh Đồng Nai cấp giấy chứng nhận kết hôn nên là hôn nhân hợp pháp.

Bà P và ông T xác định vợ chồng có mâu thuẫn do tính tình không hợp, bất đồng quan điểm sống, có nhiều mâu thuẫn về vấn đề kinh tế trong gia đình, vợ chồng không còn tin tưởng lẫn nhau. Tuy còn sống chung nhà với nhau nhưng từ tháng 05/2021 đến nay, bà P và ông T không còn quan tâm, chăm sóc nhau, việc ai người đó làm. Nay bà P xin ly hôn thì ông T không đồng ý vì tình cảm của ông đối với bà P vẫn còn, ông mong muốn vợ chồng đoàn tụ với nhau để cùng nhau nuôi dạy các con nên người. Quá trình giải quyết vụ án, Tòa án đã phân tích hòa giải cho vợ chồng đoàn tụ nhưng không có kết quả, bà P vẫn cương quyết ly hôn với ông T. Điều này chứng tỏ quan hệ hôn nhân giữa bà P và ông T đã lâm vào tình trạng trầm trọng, đời sống chung không thể kéo dài, mục đích của hôn nhân không đạt được. Đây là căn cứ cho ly hôn theo quy định tại khoản 1 điều 56 Luật Hôn nhân và gia đình năm 2014. Như vậy, yêu cầu xin ly hôn của bà P được chấp nhận.

[3]. Về con chung: Bà P và ông T có 04 con chung là cháu Trần Ngọc Anh T1, sinh ngày 30/12/2007; Trần Ngọc Tấn S, sinh ngày 01/9/2010; Trần

Thái H, sinh ngày 01/01/2012 và Trần Gia Tuệ N, sinh ngày 01/6/2016. Quá trình làm việc, bà P và ông T thống nhất trường hợp Tòa án giải quyết cho ông bà ly hôn thì đề nghị Tòa án giao cháu Trần Ngọc Anh T1 và cháu Trần Gia Tuệ N cho bà P trực tiếp nuôi dưỡng, chăm sóc, giáo dục; Giao cháu Trần Ngọc Tấn S và cháu Trần Thái H cho ông T trực tiếp nuôi dưỡng, chăm sóc, giáo dục. Hơn nữa cháu Trần Ngọc Anh T1, cháu Trần Gia Tuệ N có nguyện vọng được sống chung với bà P; cháu Trần Ngọc Tấn S và cháu Trần Thái H, có nguyện vọng được sống chung với ông T. Xét thấy nguyện vọng của các bên là phù hợp với quy định của pháp luật nên có cơ sở để chấp nhận.

[4]. Về cấp dưỡng nuôi con: Cả bà P và ông T đều không yêu cầu nên tạm thời bà P và ông T đều không phải đóng góp cho nhau tiền cấp dưỡng nuôi con chung.

Bà Nguyễn Thị P và ông Trần Văn T có quyền, nghĩa vụ thăm nom con chung mà không ai được cản trở. Vì quyền lợi của con khi cần thiết các bên có quyền yêu cầu thay đổi người trực tiếp nuôi con và vấn đề cấp dưỡng nuôi con.

[5]. Về tài sản chung: Các đương sự không yêu cầu Tòa án giải quyết nên Hội đồng xét xử không đặt ra xem xét.

[6]. Về nợ chung: Các đương sự khai không có nên Hội đồng xét xử không đặt ra xem xét giải quyết.

[7]. Về quan điểm của đại diện Viện kiểm sát nhân dân huyện Trảng Bom phù hợp với nhận định của Hội đồng xét xử nên được chấp nhận.

[8]. Về án phí: Bà P phải nộp án phí dân sự sơ thẩm về việc ly hôn theo quy định của pháp luật.

Vì các lẽ trên,

QUYẾT ĐỊNH:

Căn cứ Điều 56, Điều 81, Điều 82, Điều 83, Điều 84 Luật Hôn nhân và Gia đình năm 2014;

Căn cứ vào khoản 1 Điều 28, điểm a khoản 1 Điều 35, khoản 1 Điều 39, khoản 4 Điều 147, Điều 203, Điều 220, Điều 264, Điều 266, Điều 273 Bộ luật Tố tụng dân sự năm 2015; Nghị quyết số: 326/2016/UBTVQH14 ngày 30/12/2016 của Ủy ban thường vụ Quốc hội khóa 14.

Tuyên xử:

1. Về quan hệ hôn nhân: Chấp nhận cho bà Nguyễn Thị P được ly hôn với ông Trần Văn T.

2. Về con chung:

- Giao cháu Trần Ngọc Anh T1, sinh ngày 30/12/2007 và cháu Trần Gia Tuệ N, sinh ngày 01/6/2016 cho bà P trực tiếp nuôi dưỡng, chăm sóc, giáo dục.

- Giao cháu Trần Ngọc Tấn S, sinh ngày 01/9/2010 và cháu Trần Thái H, sinh ngày 01/01/2012 cho ông T trực tiếp nuôi dưỡng, chăm sóc, giáo dục.

- Tạm thời bà Nguyễn Thị P và ông Trần Văn T không phải đóng góp cho nhau tiền cấp dưỡng nuôi con chung.

- Bà Nguyễn Thị P và ông Trần Văn T có quyền, nghĩa vụ thăm nom con chung mà không ai được cản trở. Vì quyền lợi của con khi cần thiết các bên có quyền yêu cầu thay đổi người trực tiếp nuôi con và vấn đề cấp dưỡng nuôi con.

3. Về tài sản: Các đương sự tự thỏa thuận, không yêu cầu Tòa án giải quyết.

4. Về nợ chung: Không có.

5. Về án phí: Bà Nguyễn Thị P phải nộp 300.000 đồng (Ba trăm nghìn đồng) án phí dân sự sơ thẩm về việc ly hôn nhưng được trừ vào tiền tạm ứng án phí đã nộp là 300.000 đồng (Ba trăm ngàn đồng) tại biên lai thu số 0000046 ngày 27/10/2021 của Chi cục Thi hành án dân sự huyện Trảng Bom, tỉnh Đồng Nai. Bà P đã nộp đủ án phí dân sự sơ thẩm.

6. Về quyền kháng cáo: Bà Nguyễn Thị P và ông Trần Văn T được quyền kháng cáo trong thời hạn 15 ngày kể từ ngày tuyên án.

Trong trường hợp bản án, quyết định được thi hành án theo quy định tại Điều 2 Luật Thi hành án dân sự thì người được thi hành án dân sự, người phải thi hành án dân sự có quyền thỏa thuận thi hành án, quyền yêu cầu thi hành án, tự nguyện thi hành án hoặc cưỡng chế thi hành án theo quy định tại các Điều 6, 7, 7a và 9 Luật Thi hành án dân sự; thời hiệu thi hành án được thực hiện theo Điều 30 Luật Thi hành án dân sự./.

Nơi nhận:

- Các đương sự;
 - VKSND huyện Trảng Bom;
 - THADS huyện Trảng Bom;
 - TAND tỉnh Đồng Nai;
 - UBND xã B,
- huyện T, tỉnh Đồng Nai.
(Giấy CNKH số 16, ngày 30/01/2007);
- Lưu hồ sơ.

**TM. HỘI ĐỒNG XÉT XỬ SƠ THẨM
THẨM PHÁN – CHỦ TỌA PHIÊN TÒA**

Nguyễn Thành Tâm